BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3690/QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành bia, rượu, nước giải khát Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 3096
ĐẾN Ngày: 16-9-16
Chuyển: ...

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nhẹ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "quy hoạch phát triển ngành bia, rượu, nước giải khát Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035" với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển ngành công nghiệp bia, rượu, nước giải khát trên cơ sở cân đối sản xuất và tiêu thụ giữa các vùng trên cả nước, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, xã hội và doanh nghiệp; đồng thời ngăn ngừa lạm dụng đồ uống có cồn.

b) Phát triển ngành trên cơ sở áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến; không ngừng đổi mới và cải tiến công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm; nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới có chất lượng cao và đa dạng để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, nâng cao sức cạnh tranh trong hội nhập toàn cầu.

c) Phát triển theo hướng bền vững, chú trọng bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng ngành bia, rượu, nước giải khát Việt Nam thành ngành công nghiệp hiện đại, xứng đáng với vị trí, vai trò trong nền kinh tế, có thương hiệu mạnh trên thị trường, sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng về chủng loại, mẫu mã, bảo đảm an toàn thực phẩm và sức khoẻ cộng đồng, cạnh tranh tốt trong quá trình hội nhập, đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành bia, rượu; tăng dần tỷ trọng ngành nước giải khát.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Năm 2020, cả nước sản xuất khoảng 4,1 tỷ lít bia; 350 triệu lít rượu (trong đó rượu sản xuất công nghiệp chiếm 35%); 6,8 tỷ lít nước giải khát. Kim ngạch xuất khẩu đạt 450 triệu USD.

- Năm 2025, cả nước sản xuất khoảng 4,6 tỷ lít bia; 350 triệu lít rượu (trong đó rượu sản xuất công nghiệp chiếm 40%); 9,1 tỷ lít nước giải khát. Kim ngạch xuất khẩu đạt 600 triệu USD.

- Năm 2035, cả nước sản xuất khoảng 5,5 tỷ lít bia; 350 triệu lít rượu (trong đó rượu sản xuất công nghiệp chiếm 50%); 15,2 tỷ lít nước giải khát. Kim ngạch xuất khẩu đạt 900 triệu USD.

- Giá trị sản xuất của ngành đến các năm 2020, 2025 và 2035 lần lượt đạt: 90.500 tỷ đồng, 113.540 tỷ đồng và 167.920 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của toàn ngành bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 5,8 %/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 4,6 %/năm và giai đoạn 2026 - 2035 là 4,0%/năm.

3. Định hướng phát triển

a) Đối với ngành bia

- Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu; liên kết hoặc sáp nhập vào các doanh nghiệp lớn.

- Khuyến khích sản xuất bia không cồn và các dòng bia cao cấp với giá cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu. Tiếp tục xây dựng và phát triển một số thương hiệu bia mạnh tầm quốc gia.

- Không khuyến khích đầu tư mới các nhà máy quy mô dưới 50 triệu lít/năm, trừ các cơ sở sản xuất bia để bán tiêu dùng tại chỗ.

b) Đối với ngành rượu

- Tập trung phát triển sản xuất rượu công nghiệp chất lượng cao với công nghệ hiện đại.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất rượu công nghiệp chế biến lại rượu sản xuất thủ công, rượu làng nghề để tạo ra sản phẩm đạt chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Từng bước xây dựng thương hiệu rượu quốc gia. Tăng cường hợp tác với các hãng rượu lớn nước ngoài để sản xuất rượu chất lượng cao thay thế nhập khẩu và để xuất khẩu.

- Gắn sản xuất rượu vang, rượu hoa quả với phát triển vùng nguyên liệu ở các địa phương.

c) Đối với ngành nước giải khát

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất nước giải khát với quy mô lớn, thiết bị, công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích sản xuất nước giải khát từ hoa quả tươi và các loại nước giải khát bổ dưỡng, sử dụng nguyên liệu trong nước, sản xuất nước khoáng thiên nhiên.

4. Quy hoạch ngành theo vùng lãnh thổ

a) Đối với ngành bia

- Năng lực sản xuất bia sẽ chuyển dịch theo hướng tăng ở các vùng hiện nay sản lượng còn thấp so với dân số như vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đến năm 2025, cơ cấu tỷ lệ sản lượng bia của từng vùng trên cả nước sẽ là: Trung du và miền núi phía Bắc 7% (trong đó Đông Bắc Bộ 2%; Tây Bắc Bộ 5%); Đồng bằng sông Hồng 23,3%; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 24,8% (trong đó Bắc Trung Bộ 15%; Nam Trung Bộ 9,8%); Tây Nguyên 4%; Đông Nam Bộ 31,4%; Đồng bằng sông Cửu Long 9,5%.

b) Đối với ngành rượu

- Sản lượng rượu sẽ tập trung tại vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

- Vùng Tây Nguyên, duyên hải miền Trung sẽ phát triển các loại vang, rượu hoa quả. Các vùng còn lại chủ yếu là rượu trắng và rượu pha chế, kết hợp với tinh chế các sản phẩm rượu làng nghề truyền thống địa phương.

- Đến năm 2025, cơ cấu sản lượng rượu của từng vùng trên cả nước sẽ là: Trung du và miền núi phía Bắc 9,5% (trong đó Đông Bắc Bộ 4%; Tây Bắc Bộ 5,5%); Đồng bằng sông Hồng 29,5%; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 17% (trong đó Bắc Trung Bộ 5%; Nam Trung Bộ 12%); Tây Nguyên 7,5%; Đông Nam Bộ 22,5%; Đồng bằng sông Cửu Long 14%.

c) Đối với ngành nước giải khát

- Sản xuất nước giải khát sẽ tập trung tại vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

- Phát triển mạnh nước giải khát từ hoa quả tại các vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải miền Trung. Phát triển sản xuất nước tinh lọc và nước khoáng tại tất cả các vùng trên cả nước.

- Đến năm 2025, cơ cấu tỷ lệ sản lượng nước giải khát của từng vùng trên cả nước sẽ là: Trung du và miền núi phía Bắc 8% (trong đó Đông Bắc Bộ 4,5%; Tây Bắc Bộ 3,5%); Đồng bằng sông Hồng 22%, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 19,5% (trong đó Bắc Trung Bộ 5%; Nam Trung Bộ 14,5%); Tây Nguyên 2,5%, Đông Nam Bộ 31%; Đồng bằng sông Cửu Long 17%.

Sản lượng bia, rượu, nước giải khát dự kiến của các vùng tham khảo tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

5. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn ngành giai đoạn 2016-2020 là 27.325 tỷ đồng, trong đó: ngành bia là 17.704 tỷ đồng, ngành rượu là 791 tỷ đồng và ngành nước giải khát là 8.831 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn ngành giai đoạn 2021-2025 là 28.752 tỷ đồng, trong đó: ngành bia là 15.660 tỷ đồng, ngành rượu là 341 tỷ đồng và ngành nước giải khát là 12.750 tỷ đồng.

Dự tính nguồn vốn đầu tư được huy động chủ yếu từ các doanh nghiệp, vốn vay ngân hàng, vốn từ nguồn phát hành cổ phiếu doanh nghiệp, vốn đầu tư tư nhân và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

6. Hệ thống các giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Các giải pháp thị trường

- Các cơ quan quản lý nhà nước:

+ Tổ chức hội chợ triển lãm thường niên trong nước để các doanh nghiệp tham gia giới thiệu, quảng bá sản phẩm. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ, giới thiệu quảng bá sản phẩm ở nước ngoài theo chương trình xúc tiến thương mại quốc gia để mở rộng thị trường xuất khẩu.

+ Hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Hỗ trợ xác minh đối tác nước ngoài hợp tác với doanh nghiệp trong thương mại và đầu tư.

+ Tăng cường giám sát bảo hộ thương hiệu, nhãn mác, kiểu dáng, mẫu mã sản phẩm, đấu tranh chống hàng nhái, hàng giả để bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Các doanh nghiệp trong ngành:

+ Xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường. Tổ chức nghiên cứu thị trường, thị hiếu khách hàng, sản xuất sản phẩm mới, đa dạng hoá sản

phẩm, chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp.

+ Tích cực tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp, đẩy mạnh việc quảng bá, xúc tiến thương mại ở các thị trường truyền thống và tìm thị trường mới cho xuất khẩu.

+ Chủ động xây dựng các biện pháp ngăn chặn những hành vi gian lận và cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường, thích nghi với đòi hỏi của Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) và các cam kết quốc tế khác.

c) Các giải pháp về đầu tư

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, hợp tác liên doanh với nước ngoài đầu tư sản xuất các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát chất lượng cao, phù hợp với xu hướng tiêu dùng trong nước, có thương hiệu, sử dụng nguyên liệu trong nước, nhằm thay thế nhập khẩu.

- Không khuyến khích đầu tư mới các nhà máy sản xuất bia quy mô dưới 50 triệu lít/năm, trừ các cơ sở sản xuất để bán tiêu dùng tại chỗ.

- Tạo quỹ đất cho các doanh nghiệp thuê để phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho phát triển ngành. Áp dụng giá thuê đất thấp nhất trong khung giá của từng địa phương.

d) Giải pháp về quản lý ngành

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với loại hình nhà hàng bia tươi để bảo đảm an toàn thực phẩm và nộp ngân sách.

- Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát còn thiếu theo thông lệ quốc tế để làm cơ sở giám sát, kiểm tra, đặc biệt là đối với sản phẩm rượu sản xuất thủ công.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia và đồ uống có cồn khác.

- Nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Hiệp hội Bia - Rượu - Nước giải khát Việt Nam.

đ) Các giải pháp về khoa học và công nghệ

- Áp dụng các chính sách ưu đãi của Chính phủ theo Luật Đầu tư cho những doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới, thu gom rượu của các làng nghề truyền thống để sản xuất rượu công nghiệp đạt yêu cầu về chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất rượu thủ công trong chuyển giao công nghệ sản xuất rượu theo quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp và nông dân trong việc đưa giống cây trồng mới, áp dụng kỹ thuật mới vào phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.

e) Các giải pháp về phát triển nguyên liệu, bao bì

- Khuyến khích đầu tư sản xuất thiết bị, nguyên liệu, bao bì để đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước, giảm nhập khẩu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động xây dựng vùng nguyên liệu tập trung có chất lượng cao, ổn định lâu dài trên cơ sở liên kết chặt chẽ với các nhà khoa học, các hộ nông dân và chính quyền các địa phương. Ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu có áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào khâu chọn giống, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, sơ chế để có năng suất cao, chất lượng phù hợp yêu cầu chế biến của ngành. Đẩy mạnh công tác thăm dò và đánh giá chất lượng các nguồn nước khoáng trong nước.

g) Các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực có trình độ cao trên cơ sở kết hợp nhu cầu doanh nghiệp với các trường và trung tâm dạy nghề.

- Tăng cường đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân lành nghề cho các doanh nghiệp để có đủ trình độ tiếp thu, vận hành công nghệ, thiết bị mới, thích nghi với điều kiện cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

h) Các giải pháp về tài chính

- Khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất thông qua góp vốn, phát hành cổ phiếu trái phiếu, vay vốn tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh bia, rượu, nước giải khát để chống hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại, trốn thuế.

- Nghiên cứu, áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản phẩm bia dựa trên sản lượng và nồng độ cồn vào thời điểm thích hợp để tránh gian lận, chuyển giá, gây thất thu cho ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố, tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện quy hoạch; kiểm tra giám sát việc thực hiện quy hoạch; kiến nghị các cấp có thẩm quyền điều chỉnh cơ chế, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế trong quá trình thực hiện quy hoạch.

2. Các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Văn hoá, Thông tin và Truyền thông theo thẩm quyền, chức năng được giao phối hợp với Bộ Công Thương trong việc tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch này.

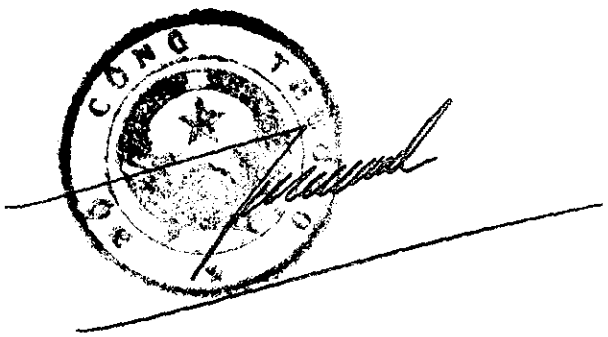
3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, ngành có liên quan cụ thể hóa quy hoạch trên địa bàn tỉnh, thành phố phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

4. Hiệp hội Bia - Rượu - Nước giải khát Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương, các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy hoạch; hướng dẫn các doanh nghiệp trong Hiệp hội thực hiện quy hoạch và các quy định khác của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG



Trần Tuấn Anh

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Hiệp hội Bia - Rượu - Nước giải khát Việt Nam;
- Website Bộ Công Thương;
- Các: Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu VT, CNN.

PHỤ LỤC I

DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG BIA, RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT PHÂN THEO VÙNG

Hạng mục	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2025
SẢN LƯỢNG BIA PHÂN THEO VÙNG			
Trung du và miền núi phía Bắc, trong đó:	Triệu lít	225,5	322,0
Đông Bắc Bộ	Triệu lít	41,0	92,0
Tây Bắc Bộ	Triệu lít	184,5	230,0
Đồng bằng sông Hồng	Triệu lít	967,6	1071,8
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, trong đó:	Triệu lít	1.029,1	1140,8
Bắc Trung Bộ	Triệu lít	635,5	690,0
Nam Trung Bộ	Triệu lít	393,6	450,8
Tây Nguyên	Triệu lít	123,0	184,0
Đông Nam Bộ	Triệu lít	1.385,8	1444,4
Đồng bằng sông Cửu Long	Triệu lít	369,0	437,0
Cả nước	Triệu lít	**4.100,0**	**4.600,0**
SẢN LƯỢNG RƯỢU PHÂN THEO VÙNG			
Trung du và miền núi phía Bắc, trong đó:	Nghìn lít	31.500	33.250
Đông Bắc Bộ	Nghìn lít	12.250	14.000
Tây Bắc Bộ	Nghìn lít	19.250	19.250
Đồng bằng sông Hồng	Nghìn lít	112.000	103.250
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, trong đó:	Nghìn lít	54.250	59.500
Bắc Trung Bộ	Nghìn lít	15.750	17.500
Nam Trung Bộ	Nghìn lít	38.500	42.000
Tây Nguyên	Nghìn lít	24.500	26.250
Đông Nam Bộ	Nghìn lít	73.500	78.750
Đồng bằng sông Cửu Long	Nghìn lít	54.250	49.000
Cả nước	**Nghìn lít**	**350.000**	**350.000**
SẢN LƯỢNG NƯỚC GIẢI KHÁT PHÂN THEO VÙNG			
Trung du và miền núi phía Bắc, trong đó:	Triệu lít	394,4	728,0
Đông Bắc Bộ	Triệu lít	224,4	409,5
Tây Bắc Bộ	Triệu lít	170,0	318,5
Đồng bằng sông Hồng	Triệu lít	1.360,0	2.002,0
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, trong đó:	Triệu lít	1.190,0	1.774,5
Bắc Trung Bộ	Triệu lít	272,0	455,0
Nam Trung Bộ	Triệu lít	918,0	1.319,5
Tây Nguyên	Triệu lít	163,2	227,5
Đông Nam Bộ	Triệu lít	2.720,0	2.821,0
Đồng bằng sông Cửu Long	Triệu lít	972,4	1.547,0
Cả nước	**Triệu lít**	**6.800,0**	**9.100,0**

PHỤ LỤC II

VỐN ĐẦU TƯ NGÀNH BIA, RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT PHÂN THEO VÙNG VÀ THEO SẢN PHẨM

Đơn vị: Tỷ đồng

Hạng mục	GĐ 2016-2020	GĐ 2021-2025
Trung du và miền núi phía Bắc	2.969,2	4.914,4
Bia	1.913,3	3.022,5
Rượu	105,7	42,7
Nước giải khát	950,2	1.849,3
Đồng bằng sông Hồng	6.225,3	6.822,5
Bia	3.802,2	3.263,6
Rượu		
Nước giải khát	2.423,1	3.558,9
Bắc Trung Bộ và DHMT	6.768,1	6.866,7
Bia	4.725,5	3.498,5
Rượu	168,7	128,0
Nước giải khát	1.873,9	3.240,2
Tây Nguyên	1.828,9	2.309,7
Bia	1.470,8	1.910,6
Rượu	124,3	42,7
Nước giải khát	233,8	356,4
Đông Nam Bộ	5.443,9	2.523,3
Bia	3.728,6	1.835,4
Rượu	373,0	128,0
Nước giải khát	1.342,2	559,9
Đồng bằng sông Cửu Long	4.089,6	5.315,1
Bia	2.063,1	2.129,8
Rượu	19,1	
Nước giải khát	2.007,4	3.185,3
Tổng bia	**17.703,5**	**15.660,4**
Tổng rượu	**790,9**	**341,4**
Tổng NGK	**8.830,6**	**12.750,0**